

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KINH MÔN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HS-ST

Ngày: 10-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Đức Huân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Quốc Huy;

2. Bà Phạm Thị Chuông;

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Quang Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn U**, sinh năm 1982 tại huyện H, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): **08/12**; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn A (*đã chết*) và bà Phạm Thị B; có vợ là Nguyễn Thị H (*đã ly hôn*) và 04 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa.*

***- Bị hại:*** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn T, xã L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

***- Người chứng kiến:*** Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn U và anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương là người bốc hàng và lái xe thuê cho anh

Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; nơi cư trú: khu 6, phường C, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 5 năm 2020, anh Nguyễn Đăng T điều khiển xe ô tô biển số 34C-204.72 chở Phạm Văn U đến giao hàng cho cửa hàng tạp hóa nhà bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn T – xã L - Kinh Môn - Hải Dương. Anh T là người đứng trên thùng xe ô tô chuyển hàng xuống cho U, U là người trực tiếp bốc hàng từ xe vào trong quán nhà bà C. Trong lúc bốc hàng, U phát hiện một xấp tiền của bà C để trên giá hàng tạp hóa gần vị trí của mình nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. U quan sát thấy không có ai để ý nên đã dùng tay phải cầm xấp tiền cho vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi ra ngoài xe ô tô cất giấu. Ngay sau đó bà Nguyễn Thị C phát hiện bị mất tiền nên đã yêu cầu U và anh T ở lại và báo Công an xã L. Quá trình làm việc với cơ quan Công an, U đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình và tự nguyện giao nộp số tiền 44.952.000đ (*Bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng*). Trong đó có số tiền 8.500.000đ (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*) U đã chiếm đoạt được của bà Nguyễn Thị C.

Tại Cáo trạng số: 41/CT-VKSKM ngày 03/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Phạm Văn U về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự (BLHS) với tài sản chiếm đoạt là 8.500.000đ (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại phiên toà: Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Phạm Văn U phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn U từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo;

Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) trả lại số tiền 8.500.000đ (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*) cho bà Nguyễn Thị C.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; công nhận Quyết định truy tố của VKSND thị xã Kinh Môn về tội danh đối với bị cáo là đúng. Bị cáo xác định do muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo rất hối hận về hành vi của mình và đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất.

Bị hại - bà Nguyễn Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của bà là 8.500.000đ (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*). Nay hành vi trộm cắp của bị cáo đã rõ, bà đề nghị Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trả lại số tiền trên cho bà và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về các hành vi, quyết định tố tụng*: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Kinh Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại cửa hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị C thuộc thôn T, xã L, thị xã Kinh Môn, Phạm Văn U có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 8.500.000đ (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*) của bà Nguyễn Thị C.

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật song bị cáo vẫn cố ý thực hiện; số tiền bị cáo chiếm đoạt là 8.500.000đ nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố của VKSND thị xã Kinh Môn đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Do vậy, cần thiết phải áp dụng loại hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện giao nộp tài sản chiếm đoạt; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[6] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy bị cáo có nhiều tình

tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng khoản 1 - khoản 2 Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS): Trả lại số tiền 8.500.000đ cho bà Nguyễn Thị C.

Đối với số tiền 36.452.000đ (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng*) là tiền hàng của anh Nguyễn Văn H, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Kinh Môn đã trả lại cho anh Nguyễn Văn Hải là phù hợp.

[9] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại yêu cầu nhận lại số tiền 8.500.000đ, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[10] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 60 BLHS.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn U phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn U 08 (*Tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (*Mười sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10/9/2020.

Giao bị cáo Phạm Văn U cho UBND xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Trả lại bà Nguyễn Thị C số tiền 8.500.000đ.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn ngày 13 tháng 8 năm 2020).

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điều 6; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án. Xử buộc bị cáo Phạm Văn U phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan THADS thị xã Kinh Môn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Hồ sơ nghiệp vụ công an thị xã Kinh Môn;
- Bị cáo, đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Đức Huân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Đức Huân**